

Số: 38/2024/QĐST-HNGĐ

Ân Thi, ngày 26 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI, TỈNH HƯNG YÊN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Lũng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Bình;

- Bà Dương Thị Thu Hồng.

Căn cứ các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 64/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Vũ Đức H, sinh năm 1990;

* Bị đơn: Chị Hoàng Thị Yến N, sinh năm 1992;

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Vũ Ngọc Trâm A, sinh ngày 23/02/2018;

- Cháu Vũ Hoàng Đ, sinh ngày 11/9/2020;

Những người đại diện theo pháp luật cho cháu Trâm A, cháu Đ là anh Vũ Đức H và chị Hoàng Thị Yến N.

Đều đăng ký HKTT tại: thôn B, xã Q, huyện A, tỉnh H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đức H và chị Hoàng Thị Yến N thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh H và chị N đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Ngọc Trâm A, sinh ngày 23/02/2018 và cháu Vũ Hoàng Đ, sinh ngày 11/9/2020. Anh H và chị N thỏa thuận anh Hiệp được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả 02 con chung là cháu Trâm A và cháu Đ cho đến tuổi thành niên. Chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H là 1.000.000đồng/cháu/tháng. Tổng là 2.000.000đồng/hai cháu/tháng. Thời hạn kể từ tháng 01/2025 cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3. Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Anh H và chị N tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh H phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng án phí sơ thẩm dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng tại biên lai số: 0001376 ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Anh H còn phải nộp số tiền 150.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Quảng Lăng, Ân Thi, Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Lũng

